

Số: /NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc cho ý kiến đối với dự kiến kế hoạch đầu tư công
nguồn vốn Ngân sách Trung ương năm 2023

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh về việc cho ý kiến đối với dự kiến kế hoạch vốn Ngân sách Trung ương hỗ trợ năm 2023; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất dự kiến kế hoạch đầu tư công nguồn vốn Ngân sách Trung ương năm 2023 của tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh trình tại kỳ họp.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính dự kiến kế hoạch đầu tư công nguồn vốn Ngân sách Trung ương năm 2023 phù hợp với Kế hoạch đầu tư công

trung hạn giai đoạn 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ giao; khả năng thực hiện của các công trình, dự án và tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị, Khóa VIII, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Lưu VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang

Số: /BC-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

Thực hiện Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Văn bản số 5035/BKHĐT-TH ngày 22/7/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch kế hoạch đầu tư công năm 2023; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị xây dựng Báo cáo kế hoạch đầu tư công năm 2023 của tỉnh cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

1. Tình hình giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 theo từng nguồn vốn của từng dự án

Kế hoạch đầu tư công do tỉnh quản lý năm 2022 là 3.458,93 tỷ đồng, bằng 116% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao¹, tăng 480 tỷ đồng từ nguồn thu đầu giá quyền sử dụng đất. Đến nay, UBND tỉnh đã phân bổ chi tiết 3.410,634 tỷ đồng², đạt 98,6% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ và HĐND tỉnh giao, cụ thể:

*** Nguồn vốn ngân sách địa phương cân đối:**

Kế hoạch vốn ngân sách địa phương cân đối năm 2022 được HĐND tỉnh giao là 1.718,91 tỷ đồng, bằng 139% kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ giao và được UBND tỉnh phân bổ chi tiết 1.670,614 tỷ đồng, bằng 97% kế hoạch đã được HĐND tỉnh giao, cụ thể:

- Nguồn vốn đầu tư cân đối theo tiêu chí phân bổ 396,11 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch HĐND tỉnh giao, cụ thể: (1) Đầu tư lĩnh vực Quốc hội quy định 87,12 tỷ đồng³, chiếm 22% tổng vốn, phân bổ cho 01 dự án hoàn thành (9,686 tỷ đồng), 22 dự án chuyển tiếp (44,22 tỷ đồng), 12 dự án khởi công mới (33,214 tỷ đồng); (2) Đầu tư các khoản thuộc trách nhiệm chung của tỉnh 93,803 tỷ đồng⁴, chiếm 24% tổng vốn; (3) Cân đối theo tiêu chí 215,187 tỷ đồng⁵, chiếm 54% tổng vốn; trong đó vốn phân cấp tỉnh quản lý phân bổ 02 dự án hoàn trả ứng trước NSDP (1,653 tỷ đồng), 08 dự án hoàn thành (54,459 tỷ đồng), 05 dự án chuyển tiếp (22 tỷ đồng), 17 dự án khởi công mới (54 tỷ đồng).

¹ Quyết định số 2048/QĐ-TTg ngày 06/12/2021 của TTgCP giao kế hoạch vốn NSNN năm 2022 cho tỉnh Quảng Trị là 2.978,93 tỷ đồng

² Kế hoạch chưa phân bổ từ nguồn bội chi NSDP (48,296 tỷ đồng) do các dự án ODA chưa ký Hiệp định

³ Trong đó: lĩnh vực Giáo dục đào tạo 79,2 tỷ đồng và lĩnh vực Khoa học công nghệ 7,92 tỷ đồng

⁴ Trong đó: Nhiệm vụ Quy hoạch 30 tỷ đồng; Đối ứng cho các dự án ODA thuộc trách nhiệm địa phương 62,803 tỷ đồng; Ưu đãi đầu tư 01 tỷ đồng.

⁵ Trong đó: cấp tỉnh quản lý (60%) là 129,112 tỷ đồng và cấp huyện quản lý (40%) là 86,075 tỷ đồng

- Nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất phân bổ 1.130 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch HĐND tỉnh giao, trong đó: cấp tỉnh quản lý 717 tỷ đồng⁶ và cấp huyện quản lý 413 tỷ đồng. Đối với kế hoạch do cấp tỉnh quản lý phân bổ cụ thể: (1) Chi phí đo đạc, vẽ bản đồ địa chính 107,55 tỷ đồng; (2) Thực hiện dự án 609,45 tỷ đồng, phân bổ 17 dự án hoàn thành (185,303 tỷ đồng), 17 dự án chuyển tiếp (217,372 tỷ đồng), 21 dự án khởi công mới (206,775 tỷ đồng)

- Nguồn vốn xổ số kiến thiết phân bổ 40 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch HĐND tỉnh giao cụ thể: (1) Đầu tư cho giáo dục đào tạo 8,8 tỷ đồng, chiếm 22% tổng vốn, phân bổ 04 dự án hoàn thành (4,97 tỷ đồng), 01 dự án chuyển tiếp (02 tỷ đồng), 01 dự án khởi công mới (1,83 tỷ đồng); (2) Đầu tư cho Y tế 17,2 tỷ đồng, chiếm 43% tổng vốn, phân bổ 02 dự án hoàn thành (8,7 tỷ đồng), 03 dự án khởi công mới (8,5 tỷ đồng); (3) Đầu tư cho phúc lợi xã hội 8 tỷ đồng, chiếm 20% tổng vốn, phân bổ 02 dự án chuyển tiếp (6 tỷ đồng), 01 dự án khởi công mới (02 tỷ đồng); (4) Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới 6 tỷ đồng, chiếm 15% tổng vốn, trong đó phân bổ 1,5 tỷ đồng/huyện cho 04 huyện đăng ký về đích nông thôn mới: Hải Lăng, Triệu Phong, Vĩnh Linh, Gio Linh.

- Nguồn bội chi ngân sách địa phương phân bổ 101,986 tỷ đồng, bằng 67% kế hoạch HĐND tỉnh giao.

*** Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu:**

Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu năm 2022 là 1.740,02 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, cụ thể:

- Vốn trong nước: phân bổ chi tiết 1.048 tỷ đồng⁷, trong đó dự án trọng điểm, kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững 320 tỷ đồng theo đúng kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ giao; cụ thể: 09 dự án hoàn thành (140,656 tỷ đồng), 14 dự án chuyển tiếp (599,844 tỷ đồng), 10 dự án khởi công mới (307,5 tỷ đồng).

- Vốn nước ngoài: phân bổ chi tiết 692,02 tỷ đồng⁸ cho 08 dự án.

2. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2022

Việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công là một trong những giải pháp chủ yếu góp phần hoàn thành mục tiêu tăng trưởng kinh tế của tỉnh theo kế hoạch đề ra. Đây cũng là lực đẩy quan trọng góp phần phục hồi mạnh kinh tế xã hội sau thời gian dài chịu tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid-19. Do đó, công tác thanh toán, giải ngân vốn đầu tư công được Ủy ban nhân dân tỉnh đặc biệt quan tâm chỉ đạo.

Trên cơ sở báo cáo của KBNN tỉnh, tính đến ngày 30/6/2022, tổng giá trị giải ngân các nguồn vốn đầu tư công do tỉnh quản lý là 907,048 tỷ đồng, đạt 26,2% kế hoạch được cấp có thẩm quyền giao, cụ thể theo từng nguồn như sau:

⁶ Thu tại Thành phố Đông Hà 450 tỷ đồng; Thu tại các khu đất giao cho doanh nghiệp 260 tỷ đồng; Thu tại Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo 07 tỷ đồng

⁷ Tại các Quyết định: số 4354/QĐ-UBND ngày 24/12/2021; số 4474/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 và số 260/QĐ-UBND ngày 24/12/2021

⁸ Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 24/12/2021; Quyết định số 4523/QĐ-UBND ngày 30/12/2021

- Nguồn vốn ngân sách địa phương cân đối giải ngân 617,441 tỷ đồng, đạt 36% kế hoạch HĐND tỉnh giao, cụ thể:

- + Cân đối theo tiêu chí giải ngân 184,946 tỷ đồng, đạt 46,7% kế hoạch;
- + Nguồn thu sử dụng đất giải ngân 419,032 tỷ đồng, đạt 37% kế hoạch;
- + Xổ số kiến thiết⁹ giải ngân 3,768 tỷ đồng, đạt 9,4% kế hoạch;
- + Bội chi NSDP giải ngân 9,694 tỷ đồng, đạt 6,3% kế hoạch

- Nguồn vốn trung ương hỗ trợ giải ngân 289,607 tỷ đồng, đạt 16,6% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, cụ thể:

- + Vốn trong nước giải ngân 182,751 tỷ đồng, đạt 17,4% kế hoạch; trong đó dự án trọng điểm, kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững chưa giải ngân;
- + Vốn nước ngoài giải ngân 106,856 tỷ đồng, đạt 15,4% kế hoạch

Nhìn chung, 6 tháng đầu năm 2022 các đơn vị, địa phương đã nỗ lực trong việc triển khai thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công¹⁰. Tuy vậy, tỷ lệ giải ngân giữa các nguồn vốn còn có sự chênh lệch khá lớn, còn nhiều dự án giải ngân chậm. Điều đó không chỉ ảnh hưởng tới việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế mà còn làm giảm hiệu quả sử dụng nguồn vốn, tác động tiêu cực đến môi trường đầu tư, kinh doanh và việc huy động các nguồn lực đầu tư xã hội; Chưa đáp ứng được yêu cầu yêu cầu về tiến độ theo kế hoạch vốn được giao cũng như đóng góp vào việc thúc đẩy tăng trưởng và phục hồi nền kinh tế địa phương.

3. Khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2022

Thời tiết những tháng đầu năm 2022 mưa nhiều, lũ lụt bất thường không thuận lợi cho công tác thi công phần đất nền nên đã ảnh hưởng khá lớn đến tiến độ thực hiện, đặc biệt đối với công trình hạ tầng có khối lượng đắp nền lớn. Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, biến sau Tết nguyên đán số ca mắc tăng đột, nhiều cơ quan, đơn vị có F0 cũng ảnh hưởng lớn đến tiến độ triển khai thực hiện kế hoạch;

Kế hoạch đầu tư công năm 2022, tỉnh đã bố trí thực hiện 58 dự án khởi công mới với số vốn 545 tỷ đồng, trong đó có 22 dự án thiết kế 02 bước với kế hoạch vốn 433 tỷ đồng¹¹. Theo quy định, sau khi được giao vốn các dự án này mới bắt đầu triển khai được công tác phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu¹², lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế thi công, dự toán, tổ chức lựa chọn nhà thầu, xây dựng kế hoạch thi công, phân khai vốn, nhập dự toán ... dẫn đến mất nhiều

⁹ Dự kiến số thu XSKT 6 tháng đầu năm đạt 6.269 triệu đồng, bằng 16% kế hoạch giao

¹⁰ Tỷ lệ giải ngân 6 tháng đầu năm 2020 đạt 24%, năm 2021 đạt 20% kế hoạch TTgCP, HĐND tỉnh giao

¹¹ Năm 2021 địa phương tập trung bố trí vốn thu hồi ứng trước, chuyển tiếp các dự án từ giai đoạn trước chuyển sang và chỉ khởi công mới một số công trình cấp thiết. Do đó, năm 2022 sau khi bố trí vốn chuyển tiếp theo tiến độ, tỉnh tập trung ưu tiên bố trí vốn cho các dự án khởi công mới của kế hoạch trung hạn 2021-2025

¹² Theo quy định của Luật Đầu thầu căn cứ để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu là quyết định phê duyệt dự án và nguồn vốn cho dự án; dẫn đến các dự án đã giao kế hoạch trung hạn nhưng chưa giao kế hoạch hàng năm không thể triển khai trước công tác lựa chọn nhà thầu để đẩy nhanh tiến độ triển khai và giải ngân nguồn vốn.

thời gian để có khối lượng thanh toán nên trong 6 tháng đầu năm chưa kịp có khối lượng để giải ngân.

Công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng vẫn còn nhiều khó khăn, bất cập, chậm được giải quyết gây kìm hãm hoạt động đầu tư công. Nhiều dự án có kế hoạch vốn giao khá lớn nhưng chậm được giải ngân do vướng mắc trong công tác GPMB¹³ vì các hộ dân không đồng thuận với phương án đền bù, giá đất biến động tăng quá cao, đơn giá thay đổi so với giá bồi thường, hỗ trợ được nhà nước quy định; công tác quản lý đất đai ở cơ sở còn hạn chế; vướng mắc trong công tác chuyên đổi mục đích sử dụng đất rừng, trồng rừng thay thế; nhân sự làm công tác GPMB tại các Ban quản lý dự án ít, kiêm nhiệm nhiều việc, đã ảnh hưởng lớn đến tiến độ thực hiện, không đảm bảo bàn giao mặt bằng theo đúng tiến độ cam kết cho chủ đầu tư, nhà thầu thi công dự án dẫn đến công tác đầu tư xây dựng cơ bản chậm được triển khai.

Giá nguyên, nhiên liệu và nhiều vật liệu xây dựng trên thị trường tăng mạnh, nhất là sắt, thép xây dựng, xi măng, cát, sỏi ... tác động trực tiếp đến chi phí của doanh nghiệp, nhà thầu xây dựng, ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ thi công dự án¹⁴. Mặt khác, tiến độ, thủ tục phê duyệt quy hoạch mở đất san lấp cũng như cấp giấy phép khai thác mỏ đất mới mất nhiều thời gian và thủ tục; đặc biệt từ tháng 9/2021 đến tháng 4/2022 thời tiết mưa liên tục dẫn đến không thể khai thác được mỏ đất ở lòng hồ (nạo vét tận thu làm vật liệu san lấp) đã ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ đắp nền và thi công của nhiều công trình. Cùng với đó, trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh đồng thời triển khai nhiều dự án, công trình trọng điểm, quy mô lớn với tiến độ yêu cầu nhanh dẫn đến nhu cầu về đất đắp, đất san lấp, vật liệu xây dựng là rất lớn nhưng “nguồn cung” không thể đáp ứng dẫn đến tiến độ thi công bị kéo dài và tiến độ giải ngân không đạt theo quy định.

Các dự án đầu tư trang thiết bị cho ngành y tế gặp khó khăn trong công tác thẩm định giá, thẩm tra thiết kế và dự toán thiết bị do biến động về giá thiết bị và tính nhạy cảm trong việc cung cấp, mua sắm thiết bị thời gian qua nên khó khăn trong việc lựa chọn đơn vị dịch vụ thẩm định giá thiết bị, thời gian thẩm định bị kéo dài, ảnh hưởng rất lớn đến quá trình triển khai mua sắm và giải ngân kế hoạch vốn được bố trí.

Các dự án ODA ngoài việc thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật trong nước, còn phải thực hiện thêm các hồ sơ thủ tục đầu tư, rút vốn, giải ngân,... theo các cam kết với Nhà tài trợ dẫn đến quá trình hoàn thiện thủ tục đầu tư, rút vốn, giải ngân mất rất nhiều thời gian, công đoạn. Cụ thể như: thời gian lấy ý kiến không phản đối của các nhà tài trợ kéo dài¹⁵; việc thực hiện theo các quy định bổ sung trong sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án ODA còn lúng

¹³ Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2 (110 tỷ đồng); Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (443 tỷ đồng); Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Trị (207 tỷ đồng);

¹⁴ Do giá nguyên vật liệu tăng, một số dự án khi cập nhật giá gói thầu đã làm vượt dự toán/TMĐT được duyệt, phải phê duyệt điều chỉnh; một số dự án nhà thầu đã trúng thầu nhưng không ký hợp đồng vì chênh lệch giá giữa thời điểm đấu thầu và ký kết hợp đồng thi công quá lớn.

¹⁵ Cơ chế ký kết, thanh toán đối với nhiều hợp đồng sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi phải có ý kiến không phản đối của nhà tài trợ

túng và mất nhiều thời gian; thực hiện nghiệm thu công đoạn trong khi quá trình giải ngân phụ thuộc vào nghiệm thu khối lượng. Cùng với đó, tác động của dịch bệnh Covid-19 đối với các dự án ODA cũng bị ảnh hưởng nặng nề hơn so với các dự án vốn trong nước do hầu hết các hoạt động đều gắn với yếu tố nước ngoài từ khâu nhập máy móc, thiết bị cho đến huy động chuyên gia, giám sát.

Dự án đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị là dự án trọng điểm của tỉnh trong giai đoạn 2021-2025, có tổng chiều dài khoảng 55Km đi qua địa bàn 15 xã, phường, thị trấn thuộc 04 huyện, thành phố. Trong thời gian qua, các công việc chủ yếu của dự án là thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, do đây là dự án thuộc nhóm A nên đối với hồ sơ thiết kế BVTC do Cục Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông – Bộ Giao thông vận tải thẩm định; đối với Báo cáo đánh giá tác động môi trường là do Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt nên công tác chuẩn bị đầu tư kéo dài. Hiện nay, phần lớn khối lượng công việc quan trọng, chiếm tỷ trọng lớn của dự án đang trình Cục Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông thẩm định để làm cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo. Mặt khác, do dự án đi qua nhiều địa phận các xã, phường, thị trấn nên khối lượng ảnh hưởng GPMB là rất lớn. Hiện nay công tác định giá đất cụ thể gặp nhiều khó khăn do chênh lệch giá đất theo quy định của nhà nước và giá thị trường biến động trong thời gian qua; ngoài ra việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng, đất lúa trên cơ sở phạm vi ảnh hưởng của dự án phải trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định đã ảnh hưởng lớn đến tiến độ thực hiện cũng như giải ngân của dự án¹⁶.

4. Các giải pháp tỉnh đã triển khai thực hiện để thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2022:

Ngay sau khi có quyết định giao vốn năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị nhận thức rất sâu sắc, giải ngân gắn với nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt của các cấp, các ngành và cơ quan, đơn vị liên quan; là trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ngành, địa phương nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện cao nhất các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra, nhất là trong bối cảnh cả tỉnh đang tập trung mọi nỗ lực để thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã khẩn trương phân bổ kế hoạch 2022 theo đúng quy định đáp ứng yêu cầu, tranh thủ thời tiết thuận lợi để dự án có thể giải ngân ngay từ những tháng đầu năm¹⁷ và liên tục trong 05 tháng đầu năm đã ban hành hơn 20 văn bản chỉ đạo, đôn đốc để triển khai thực hiện các chủ trương, biện pháp điều hành kế hoạch đầu tư công năm 2022 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, Ngành trung ương. Đặc biệt, Ủy ban nhân

¹⁶ Kế hoạch vốn 2022 phải thực hiện của dự án là 518 tỷ đồng (bao gồm: NSTW 320 tỷ đồng, NSDP 55 tỷ đồng và kế hoạch 2021 kéo dài sang 2022 là 143 tỷ đồng) nhưng đến nay mới chỉ giải ngân 0,345 tỷ đồng.

¹⁷ Trước ngày 31/12/2021, UBND tỉnh đã hoàn thành công tác phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 cho các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện. Và đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính rà soát, đánh giá đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

dân tỉnh cũng đã kịp thời ban hành 02 Chỉ thị¹⁸ quán triệt sâu sắc các sở, ban ngành, địa phương và các chủ đầu tư các giải pháp cụ thể nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 của tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh cũng thường xuyên tổ chức kiểm tra, làm việc với các địa phương, đơn vị; trực tiếp chỉ đạo giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện; đặc biệt là việc đôn đốc triển khai các dự án đầu tư lớn, trọng điểm trên địa bàn. Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và quán triệt sâu sắc các sở, ban ngành, địa phương, chủ đầu tư nâng cao tinh thần trách nhiệm, phát huy vai trò của người đứng đầu, chịu trách nhiệm toàn diện trước Tỉnh ủy, UBND tỉnh về việc tổ chức thực hiện và kết quả giải ngân của đơn vị, địa phương mình; Quyết liệt đề ra các giải pháp triển khai thực hiện nhằm đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, tiến độ thi công và tiến độ giải ngân; Kịp thời thành lập các Đoàn công tác kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công để sớm hoàn thành, tạo động lực mới nhằm phát triển bền vững; Lập đường găng tiến độ chi tiết để chỉ đạo, theo dõi, giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện; Thường xuyên rà soát, kiểm tra không để xảy ra tình trạng tồn đọng vốn, tồn đọng hồ sơ và quyết toán dự án, lập hồ sơ thanh toán ngay khi có khối lượng; Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, cải tiến quy trình, thủ tục, nâng cao chất lượng và rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục; Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, kiểm tra, giám sát và kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả công tác đầu tư bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

Năm 2022, quá trình thực hiện các dự án ODA trên địa bàn tỉnh Quảng Trị tiếp tục gặp rất nhiều vướng mắc, khó khăn đặc biệt là khó khăn liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng nên một số dự án không thể thực hiện, giải ngân hoàn thành hết số vốn được giao. Trong bối cảnh các dự án ODA trên địa bàn tỉnh không có khả năng hấp thụ, bổ sung thêm vốn nước ngoài. Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời có Tờ trình số 143/TTr-UBND ngày 20/7/2022 báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh giảm kế hoạch vốn nước ngoài nguồn NSTW năm 2022 (243,447 tỷ đồng), góp phần hỗ trợ tỉnh Quảng Trị hoàn thành kế hoạch giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nói chung và vốn ODA nói riêng.

Khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng lớn đến công tác thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công của tỉnh Quảng Trị trong những tháng đầu năm 2022 là vấn đề vật liệu xây dựng, công tác cấp phép, quản lý mỏ khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường. Cụ thể, giá nguyên, nhiên liệu và nhiều vật liệu xây dựng tăng đột biến khiến nhiều công trình phải giãn tiến độ thi công; cùng với đó thủ tục phê duyệt quy hoạch mỏ đất san lấp cũng như cấp giấy phép khai thác mỏ đất mới mất nhiều thời gian và thủ tục. Nhận định với tình hình đó, trong thời gian tới khi các dự án trọng điểm, dự án điện gió trên địa bàn tỉnh đồng loạt khởi công xây dựng sẽ dẫn đến tình trạng khan hiếm, không đủ nguồn

¹⁸ Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2022 và số 03/CT-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2022

cung đối với các vật liệu: đá, đất đắp, làm giá vật liệu xây dựng biến động tăng cao, dễ xuất hiện tình trạng đầu cơ nhằm tăng giá ảnh hưởng trực tiếp đến việc triển khai các dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh. Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Thông báo số 114/TB-UBND ngày 27/6/2022 nhằm giải quyết khó khăn vướng mắc về vật liệu xây dựng phục vụ thi công các công trình trên địa bàn tỉnh; trong đó đã yêu cầu các Sở, ngành, địa phương phát huy vai trò trách nhiệm tham mưu, tổ chức triển khai các giải pháp cụ thể:

- Sở Xây dựng: tham mưu UBND tỉnh văn bản đề xuất Tỉnh ủy, HĐND tỉnh có cơ chế đặc thù đối với vật liệu xây dựng thông thường (đá, đất đắp...) để tháo gỡ vướng mắc đối với các công trình đã triển khai thi công trong năm 2022; Tiếp tục thực hiện khảo sát, hoàn thiện báo cáo về nhu cầu một số vật liệu xây dựng chính trên địa bàn như cát, đá, gạch xây, đất đắp ... báo cáo và đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương nghiên cứu các giải pháp phù hợp tình hình thực tế.

- Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Xây dựng trong công tác công bố giá vật liệu theo quy định phục vụ việc Công bố giá; tham mưu UBND tỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ bắt buộc phải thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh ngoài danh mục do Bộ Tài chính quy định đối với những loại vật liệu có dấu hiệu biến động giá như: Đá, cát xây dựng, đất san lấp; Xây dựng và hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu về giá. Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan như: Cục thuế tỉnh, Quản lý thị trường, UBND các cấp tổ chức kiểm tra, thanh tra định kỳ hoặc đột xuất các đơn vị sản xuất, cung ứng, kinh doanh vật liệu trên địa bàn về giá niêm yết và giá bán, thực hiện xử lý các hành vi vi phạm theo quy định về Giá nhằm mục đích lành mạnh hóa thị trường.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Khẩn trương rà soát giảm bớt thủ tục hành chính, đẩy nhanh công tác đấu thầu các mỏ đất đắp; trong đó tập trung vào các mỏ có phần diện tích do UBND huyện quản lý, để sau khi được cấp phép thì tổ chức khai thác ngay. Thành lập đoàn liên ngành để thanh tra, kiểm tra các mỏ vật liệu đã được cấp phép và yêu cầu chủ mỏ cam kết khẩn trương khai thác đúng công suất, tiến độ, thực hiện chứng nhận hợp quy để đưa vật liệu lưu thông trên thị trường. Thực hiện quản lý, giám sát các đơn vị được cấp phép khai thác khoáng sản theo đúng công suất, tiến độ; nghiên cứu tăng công suất khai thác nhằm đảm bảo nguồn cung cấp VLXD cho thị trường. Rà soát, đánh giá trữ lượng đất tại vị trí các bãi đổ thải của dự án đường bộ cao tốc Cam Lộ - La Sơn để đề xuất phương án xử lý, ưu tiên phương án tái sử dụng đất đảm bảo yêu cầu về chất lượng làm vật liệu đất đắp cho các dự án trên địa bàn tỉnh, khắc phục tình trạng khan hiếm về vật liệu.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cục thuế tỉnh, Cục quản lý thị trường: Tăng cường kiểm tra, rà soát các cơ sở cung ứng, kinh doanh vật liệu cát, đá, gạch xây... trên địa bàn về các nội dung đăng ký kinh doanh, nguồn gốc sản phẩm hàng hóa, giá bán niêm yết, hóa đơn để cung cấp thêm thông tin về giá, lành mạnh thị trường; phối hợp với Sở Xây dựng và Sở Tài chính trong công tác rà soát giá vật liệu trên địa bàn.

- Các chủ đầu tư: Chủ động cung cấp giá vật liệu xây dựng được sử dụng trong các dự án do đơn vị quản lý theo định kỳ hàng tháng để Sở Xây dựng, Sở Tài chính làm cơ sở hình thành hệ thống dữ liệu về giá vật liệu xây dựng trên địa bàn. Tăng cường công tác kiểm soát chất lượng, nguồn gốc xuất xứ các loại vật liệu sử dụng cho công trình. Chủ động trong việc rà soát vị trí mỏ khoáng sản, quản lý tốt vật liệu đất dôi dư nhằm tiết kiệm tài nguyên, có kế hoạch sử dụng hợp lý, cân đối giữa các dự án do đơn vị làm chủ đầu tư.

5. Tình hình huy động các nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác phục vụ cho đầu tư phát triển.

Tỉnh đã tích cực, quyết liệt vận động, thu hút, kêu gọi và làm việc với các nhà đầu tư chiến lược về các dự án đầu tư trọng điểm. Tiếp tục triển khai xúc tiến đầu tư thông qua các hoạt động ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế xã hội. Tranh thủ tối đa sự hỗ trợ của Chính phủ và các Bộ, Ngành Trung ương để xúc tiến, đẩy nhanh tiến độ thực hiện một số dự án quan trọng¹⁹. Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn (giá hiện hành) trong 6 tháng đầu năm ước đạt 11.199 tỷ đồng, giảm 5,12% so với cùng kỳ năm trước.

Từ đầu năm đến nay, có 20 dự án cấp phép đầu tư với tổng vốn đầu tư trên 543 tỷ đồng. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 19 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư đăng ký là 2.488 triệu USD.

6. Các giải pháp nhằm thực hiện hoàn thành kế hoạch đầu tư công trong những tháng cuối năm 2022:

Nhằm phấn đấu đạt kết quả cao nhất trong việc triển khai, giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2022, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương. Các ngành, các cấp cần tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc theo đúng tinh thần chỉ đạo của Chính phủ về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, ngân sách nhà nước năm 2022; tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý đầu tư và xây dựng trong tất cả các khâu từ công tác quy hoạch, kế hoạch, huy động vốn đầu tư đến công tác chuẩn bị đầu tư, tổ chức thực hiện, nghiệm thu đưa vào sử dụng và thanh, quyết toán, trong đó tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

6.1. Đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ thi công gắn với việc đảm bảo chất lượng công trình; tổ chức nghiệm thu, lập hồ sơ thanh toán ngay khi có khối lượng

Ủy ban nhân dân các cấp duy trì chế độ giao ban về công tác giải ngân và có kế hoạch cụ thể đôn đốc giải ngân theo từng nguồn vốn, từng chủ đầu tư, từng dự án có kế hoạch vốn lớn. Thường xuyên rà soát tình hình thực hiện từng dự án, phân nhóm các khó khăn, vướng mắc để kịp thời chỉ đạo, giải quyết theo thẩm quyền nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

Các Sở, ban ngành liên quan tiếp tục rà soát các quy định của pháp luật liên quan đến xây dựng, các thủ tục về thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán

¹⁹ Trong đó, đáng chú ý là: Dự án Cảng hàng không Quảng Trị; Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 9 đoạn từ Quốc lộ 1A đến Cửa Việt,...

xây dựng công trình, thẩm tra, phê duyệt quy hoạch, cấp phép xây dựng ... theo hướng tăng cường bố trí nhân lực, đẩy mạnh việc rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với hiện nay; phối hợp hiệu quả với các sở, ngành, địa phương, Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án để xử lý nhanh các thủ tục hành chính nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án.

Kho bạc Nhà nước tỉnh và các huyện, thành phố, thị xã phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư để xử lý các vướng mắc phát sinh, rút ngắn thời gian kiểm soát chi; thực hiện thanh toán ngay cho các dự án khi chủ đầu tư cung cấp đủ hồ sơ đề nghị giải ngân theo quy định; đảm bảo không có hồ sơ kiểm soát chi quá hạn trong tiếp nhận cũng như trong xử lý theo quy định. Kiểm soát chặt chẽ việc tạm ứng, thanh toán tạm ứng ứng vốn đầu tư.

Các chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án, nhà thầu thi công tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 đã được đề ra²⁰. Triển khai thực hiện quyết liệt, các giải pháp, tháo gỡ kịp thời các rào cản, khó khăn, vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện; tranh thủ thời tiết thuận lợi tích cực, đẩy nhanh tiến độ thi công để hoàn thành khối lượng, phấn đấu đạt mục tiêu giải ngân hết số vốn được giao trong kế hoạch 2022, kể cả số vốn các năm trước được chuyển sang. Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, phối hợp với các đơn vị liên quan để chỉ đạo, theo dõi, giám sát chặt chẽ quá trình thi công. Lập kế hoạch giải ngân chi tiết cho từng dự án, nhất là các dự án trọng điểm, dự án có vốn lớn. Yêu cầu nhà thầu phải có văn bản cam kết tiến độ thực hiện đối với từng hạng mục công trình, làm cơ sở để kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm việc vi phạm về tiến độ cũng như chất lượng công trình; trường hợp cần thiết, chấm dứt hợp đồng và thay thế ngay các nhà thầu khác. Khẩn trương hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục pháp lý, nghiệm thu khối lượng hoàn thành để thanh toán ngay với Kho bạc Nhà nước và hoàn ứng theo quy định; không để dồn thanh toán vào cuối năm. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh nếu đến ngày 31/01/2023 không giải ngân hết kế hoạch bố trí.

6.2. Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng; tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc liên quan đến đất đai, tài nguyên

UBND các huyện, thành phố, thị xã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, xác định công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng là nút thắt quan trọng trong triển khai dự án; cần huy động cả hệ thống chính trị của địa phương vào cuộc, phối hợp, xử lý kịp thời các khó khăn vướng mắc, thực hiện nhanh công tác bàn giao mặt bằng phục vụ triển khai dự án; không được để tình trạng dự án chờ mặt bằng, nhất là các dự án lớn, trọng điểm của tỉnh. Chủ động rà soát tình hình thực hiện của từng dự án trên địa bàn, từ đó phân nhóm vướng mắc để kịp thời giải quyết, tháo gỡ, nhất là các dự án của có tính kết nối, liên vùng. Lập danh mục dự án trọng điểm, phân công cụ thể lãnh đạo theo dõi, đôn đốc và trực tiếp chỉ đạo xử lý các khó khăn, vướng mắc. Quan tâm, có giải pháp phù hợp để tiếp tục nâng

²⁰ Tại Nghị quyết số 159/NQ-HĐND ngày 9/12/2021 của HĐND tỉnh và Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 22/3/2022, số 03/CT-UBND ngày 20/4/2022 của UBND tỉnh

cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng mang tính chuyên nghiệp, bảo đảm công khai, khách quan.

Các Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương vùng thực hiện dự án trong tổ chức công bố quy hoạch, cắm mốc phạm vi bồi thường, giải phóng mặt bằng; cung cấp kịp thời các hồ sơ, tài liệu liên quan cho chính quyền địa phương để thực hiện các hồ sơ, thủ tục liên quan. Ưu tiên bố trí đủ kinh phí để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với phần diện tích có đủ điều kiện; phần vốn còn lại mới bố trí cho phần xây lắp và chi phí khác; tuyệt đối không cho nhà thầu tạm ứng vốn khi chưa bàn giao mặt bằng hoặc chưa đảm bảo các điều kiện khởi công công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ động, kịp thời hướng dẫn UBND các huyện, thành phố, thị xã về các cơ chế, chính sách, giải quyết các khó khăn, vướng mắc liên quan đến bồi thường giải phóng mặt bằng theo thẩm quyền. Chủ động tham mưu UBND tỉnh trường hợp vượt thẩm quyền.

6.3. Rà soát, điều chuyển kế hoạch vốn giữa các dự án chậm giải ngân sang các dự án có tiến độ giải ngân tốt, còn thiếu vốn

Các Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án chủ động rà soát, dự kiến khả năng giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 và kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2022 của từng dự án. Trường hợp dự kiến không giải ngân hết kế hoạch vốn được giao, gửi báo cáo bằng văn bản về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, điều chuyển vốn, tránh việc phải điều chỉnh kế hoạch dồn vào cuối năm nhằm đảm bảo kế hoạch vốn sát đúng với kế hoạch thực hiện cũng như cải thiện tỷ lệ giải ngân chung của tỉnh. Các đơn vị không có phương án đề xuất dẫn đến kế hoạch vốn bị hủy bỏ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh.

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh và các đơn vị liên quan rà soát, tham mưu UBND tỉnh điều chuyển kế hoạch vốn của các dự án có tiến độ thực hiện chậm, tỷ lệ giải ngân không đạt yêu cầu để bố trí cho các dự án có tiến độ triển khai tốt, giải ngân nhanh, có khả năng hoàn thành trong năm 2022 nhưng chưa được bố trí đủ vốn theo đúng quy định, đảm bảo giải ngân 100% vốn ngân sách nhà nước được giao năm 2022. Kiên quyết không để nguồn vốn kế hoạch 2022 phải kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm sau nếu không có lý do chính đáng.

Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh báo cáo cấp có thẩm quyền về phương án xử lý đối với các dự án đã được bố trí kế hoạch vốn năm 2021 (bao gồm kế hoạch vốn của các năm trước chuyển sang năm 2021) không giải ngân hết nhưng không được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài hay không đủ điều kiện đề xuất kéo dài sang năm 2022 theo quy định.

6.4. Tăng cường công tác quản lý vật liệu xây dựng

UBND tỉnh chỉ đạo các ngành liên quan sớm có các giải pháp nhằm sớm tháo gỡ các khó khăn về vật liệu xây dựng, đất đắp để đẩy nhanh tiến độ thi

công và giải ngân kế hoạch vốn của các công trình, dự án; thường xuyên theo dõi, bám sát diễn biến thị trường, tổ chức khảo sát giá vật liệu xây dựng trên địa bàn; kịp thời cập nhật, công bố giá vật liệu xây dựng phù hợp, đầy đủ chủng loại để thuận lợi trong công tác lập, quản lý chi phí đầu tư xây dựng; công bố chỉ số giá xây dựng, cập nhật giá các vật liệu xây dựng, đặc biệt là vật tư, vật liệu các có biến động giá.

Các cấp, các ngành tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh ngày càng hiệu quả và đi vào chiều sâu. Tăng cường kiểm tra chất lượng các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng được nhập khẩu, sản xuất, lưu thông và đưa vào sử dụng trong các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

6.5. Đẩy mạnh giám sát việc chấp hành các quy định trong quản lý, giải ngân vốn đầu tư công; Gắn công tác giải ngân với công tác thi đua khen thưởng và trách nhiệm cá nhân người đứng đầu

Các cấp, ngành, địa phương tăng cường công tác theo dõi, đánh giá, giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư công và thực hiện các chương trình, dự án đầu tư cụ thể. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo chế độ báo cáo quy định; trong đó, phải đánh giá kết quả thực hiện, những tồn tại, hạn chế và kiến nghị các cấp có thẩm quyền giải quyết những khó khăn, vướng mắc.

Nghiêm túc kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm và có chế tài xử lý vi phạm đối với các đơn vị, địa phương và cá nhân trong việc phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư không đúng thẩm quyền hoặc chưa xác định được nguồn vốn cũng như khả năng cân đối vốn; quản lý và thực hiện không tốt để phát sinh nợ đọng XDCB; tổ chức lựa chọn nhà thầu không đúng với quy định pháp luật hiện hành.

Phát động phong trào thi đua ở từng cấp, ngành, cơ quan, đơn vị để tập trung đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2022. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả giải ngân, xem đây là căn cứ quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và là căn cứ để đánh giá năng lực cán bộ, bình xét thi đua khen thưởng, kỷ luật đối với cá nhân, tổ chức. Trường hợp không hoàn thành kế hoạch giải ngân theo tiến độ đề ra, phải kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, người đứng đầu, cá nhân có liên quan; kiên quyết chống trì trệ, tiêu cực trong đầu tư công; điều chuyển, kiểm điểm, xử lý những trường hợp làm chậm, sai phạm theo quy định.

II. LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

1. Căn cứ lập kế hoạch đầu tư công năm 2023:

Căn cứ các quy định của Luật đầu tư công, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 8/7/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các mục tiêu, chủ trương, đường lối của Đảng, nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 và định hướng phát triển của địa phương;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII; các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về định hướng phát triển giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các chủ trương đầu tư của các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND các cấp phê duyệt;

Căn cứ tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2022 và nhu cầu thực tiễn của tỉnh trong năm 2023.

2. Nguyên tắc dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023:

* Nguyên tắc dự kiến kế hoạch 2023:

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ (vốn trong nước): dự kiến bằng kế hoạch năm 2022, trong đó:

+ Đầu tư dự án trọng điểm, đường ven biển dự kiến bằng 50% kế hoạch 2022 do một số nguyên nhân bất khả kháng nên dự kiến kế hoạch 2022 không giải ngân hết và trình xin trung ương cho phép kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân sang năm 2023.

+ Đầu tư theo ngành lĩnh vực đều dự kiến tăng so với năm 2022 nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện của các công trình dự kiến hoàn thành trong năm 2023 và chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023;

- Nguồn vốn ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí: dự kiến tăng 6% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 được Thủ tướng Chính phủ giao;

- Các nguồn vốn ngân sách địa phương từ nguồn thu (sử dụng đất và xổ số kiến thiết): dự kiến theo khả năng thực hiện của địa phương;

- Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế (thuộc lĩnh vực y tế): dự kiến phù hợp với mức vốn Trung ương đề xuất đầu tư cho lĩnh vực.

- Chương trình MTQG: dự kiến phù hợp mức bình quân chung kế hoạch trung hạn còn lại được Thủ tướng Chính phủ giao.

- Nguồn vốn nước ngoài: dự kiến theo các các hiệp định đã ký kết, hiệp định vay lại và lộ trình các dự án đang vận động.

* Trên cơ sở đó, tổng nguồn vốn đầu tư công kế hoạch 2023 của tỉnh Quảng Trị là **3.531,59 tỷ đồng**, bằng 104% so với kế hoạch 2022 được Thủ tướng Chính phủ giao và bằng 91% so với kế hoạch 2022 được HĐND tỉnh giao²¹, trong đó:

²¹ Một số nguồn giảm dự kiến kế hoạch 2023 giảm hoặc chưa dự kiến so với kế hoạch 2022 do: (1) nguồn bộ chi ngân sách địa phương được dự kiến kế hoạch 2023 tại Dự toán NSNN năm 2023; (2) Đầu tư dự án trọng điểm, đường ven biển do thủ tục đầu tư kéo dài và công tác GPMB gặp nhiều khó khăn; (3) Chương trình MTQG kế hoạch 2022 bao gồm kế hoạch 2021 chuyển sang.

- Vốn đầu tư ngân sách địa phương là 1.565 tỷ đồng bằng 126% kế hoạch 2022 được Thủ tướng Chính phủ giao và bằng 91% kế hoạch 2022 được HĐND tỉnh giao, cụ thể:

+ Ngân sách cân đối theo tiêu chí dự kiến 420 tỷ đồng, bằng 106% kế hoạch 2022;

+ Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất dự kiến 1.100 tỷ đồng, bằng 169% kế hoạch 2022 được Thủ tướng Chính phủ giao và bằng 97% kế hoạch 2022 được HĐND tỉnh giao;

+ Xổ số kiến thiết dự kiến 45 tỷ đồng, bằng 113% kế hoạch 2023;

- Vốn ngân sách Trung ương dự kiến 1.966,59 tỷ đồng, bằng 91% kế hoạch 2022, cụ thể:

+ Vốn trong nước: dự kiến 1.556,674 tỷ đồng bằng 106% kế hoạch 2022; trong đó:

Trung ương hỗ trợ: dự kiến 1.033,836 tỷ đồng, bằng 99% kế hoạch 2022,

Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: dự kiến 161 tỷ đồng.

Chương trình MTQG: dự kiến 361,838 tỷ đồng, bằng 87% kế hoạch 2022

+ Vốn nước ngoài dự kiến 409,916 tỷ đồng, bằng 59% kế hoạch 2022.

(Có hệ thống biểu mẫu chi tiết kèm theo)

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Thực hiện yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ngày 10/02/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị có văn bản số 475/UBND-TH báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về nhu cầu kéo dài thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công NSTW sang năm 2022²². Đến nay, đề xuất nêu trên chưa được Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Thủ tướng Chính phủ xem xét, hướng dẫn giải quyết. Kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ sớm cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân các nguồn vốn nói trên sang năm 2022 để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo, kịp thời giải ngân kế hoạch vốn được phép kéo dài.

2. Ngày 14/02/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị có Tờ trình số 19a/TTr-UBND về việc bổ sung vốn kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách trung ương năm 2022 từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội với tổng vốn là 267,8 tỷ đồng. Kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ sớm bổ sung kế hoạch 2022 để địa phương tranh thủ thời tiết nắng ráo triển khai thực hiện, đảm bảo giải ngân nguồn vốn theo quy định.

3. Ngày 20/7/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị đã có Tờ trình số 143/TTr-UBND gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính đề nghị trình cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh giảm vốn nước ngoài nguồn NSTW kế hoạch năm 2022 đã giao cho các dự án ODA trên địa bàn tỉnh để bổ sung cho các Bộ, ngành Trung ương và các địa phương khác có nhu cầu với tổng vốn là 243,447

²² Trong đó: (1) NSTW năm 2020 trở về trước (vốn trong nước) là 22,473 tỷ đồng; (2) vốn NSTW năm 2020 trở về trước (vốn nước ngoài) là 4,408 tỷ đồng; (3) Dự phòng NSTW năm 2020 là 34,333 tỷ đồng

tỷ đồng. Kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ sớm quyết định điều chỉnh giảm đối với đề xuất của địa phương.

4. Đối với nội dung công bố giá vật liệu xây dựng phục vụ dự án thành phần thuộc công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam: theo Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/2/2022 của Chính phủ giao địa phương công bố giá vật liệu đến chân công trình²³ và yêu cầu đơn giá vận chuyển cần phải tính đúng trong bước lập bản vẽ thi công. Tuy nhiên do đặc thù của dự án theo tuyến trải dài, không thể xác định đến chân công trình của dự án nên rất khó công bố. Kính đề nghị Bộ Giao thông Vận tải nghiên cứu quy định, hướng dẫn theo hướng địa phương sẽ thực hiện công bố giá vật liệu tại nơi sản xuất; việc xác định chi phí vận chuyển từ nơi sản xuất đến chân công trình sẽ được tư vấn thiết kế tính toán trên cơ sở kết quả khảo sát tuyến đường vận chuyển cũng như các điểm tập kết vật liệu dọc tuyến và các nội dung áp dụng khác có liên quan.

5. Nhằm đảm bảo nguồn cung ứng vật liệu trên địa bàn, kính đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, Ngành có liên quan cắt giảm các thủ tục cấp, khai thác mỏ, khai thác phân âm. Bên cạnh đó, để kịp thời đáp ứng nhu cầu đất làm vật liệu san lấp cho các dự án động lực, các dự án đầu tư công trung hạn đúng tiến độ; kính đề nghị Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình Quốc hội sửa đổi khoản 1, Điều 2 của Luật Khoáng sản năm 2010 quy định về khái niệm “khoáng sản” theo hướng: “tài nguyên đất hay đất đồi, đất san lấp không phải là khoáng sản”²⁴.

6. Tỉnh Quảng Trị có 02 dự án tham gia Chương trình hỗ trợ hàng hóa giai đoạn 2 do Italia tài trợ bao gồm: Hệ thống cấp nước xã Vĩnh Long - Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh và Hệ thống cấp nước xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng. Hiệp định dự án đã kết thúc từ 29/3/2016. Phần vốn đối ứng thuộc trách nhiệm của địa phương đã được bố trí đủ cho dự án và các hạng mục công trình sử dụng nguồn vốn đối ứng đã được đầu tư hoàn thành. Riêng gói thầu mua sắm vật tư, thiết bị ngành nước (do Bộ Tài chính chủ trì thực hiện) sử dụng nguồn vốn do Italia tài trợ vẫn chưa được thực hiện. UBND tỉnh Quảng Trị đã có các văn bản báo cáo, kiến nghị Bộ Tài chính cho phép tái cấu trúc nguồn vốn, sử dụng vốn đối ứng được cấp và huy động sự đóng góp của người hưởng lợi để mua sắm vật tư hàng hóa, đảm bảo xây dựng hoàn thành nhà máy. Tuy nhiên, Bộ Tài chính cho biết tình hình sửa đổi Hiệp định viện trợ hàng hóa, vật tư ngành nước giai đoạn II đang được Bộ Tài chính xúc tiến tại văn bản số 8271/BTC-QLN ngày 17/07/2019, Bộ trưởng Đinh Tiến Dũng tại buổi làm việc với tỉnh Quảng Trị đã có thông báo kết luận số 523/TB-BTC ngày 06/8/2020 giao xử lý các kiến nghị, nhưng đến nay vẫn chưa có ý kiến về việc tái cấu trúc dự án. Việc sửa đổi Hiệp định vay quá chậm trễ. Các đề xuất, kiến nghị của địa phương liên quan đến việc thực hiện dự án chậm được giải quyết nên dự án không thể phát huy được hiệu quả đầu tư như mục tiêu đã phê duyệt. Kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ,

²³ Sở Xây dựng kiến nghị, đề xuất tại văn bản số 1258/BC-SXD ngày 22/6/2022 về giá xây dựng và công tác kiểm soát giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

²⁴ Theo Công điện số 1079/CĐ-TTg ngày 14/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát pháp luật để tháo gỡ khó khăn cho đầu tư, kinh doanh trong điều kiện Covid-19 diễn biến phức tạp

Bộ Tài chính thống nhất chủ trương cho dừng sử dụng phần vốn nước ngoài, sử dụng vốn đối ứng mua sắm vật tư, thiết bị để hoàn thành công trình đưa vào sử dụng như đề xuất của UBND tỉnh tại văn bản số 2349/UBND-CN ngày 29/5/2020, văn bản 2879/UBND-KT ngày 22/6/2022.

7. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị đã có đề xuất bằng văn bản báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với các dự án ODA trên địa bàn tỉnh, nhưng đến nay vẫn chưa được phê duyệt nên việc thực hiện các dự án gặp khó khăn, cụ thể như sau:

- Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8): Dự án đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh CTĐT tại Tờ trình số 1755/TTr-BNN-TCTL ngày 24/3/2022 nhưng đến nay vẫn chưa được phê duyệt do đó chưa có cơ sở để phê duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi tiểu dự án tại địa phương.

- Dự án Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và Tăng cường tính chống chịu ven biển tỉnh Quảng Trị: UBND tỉnh Quảng Trị đã có văn bản số 1150/UBND-KT ngày 21/3/2022 gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh CTĐT nhưng đến nay Bộ Nông nghiệp - PTNT vẫn đang tổng hợp, chưa trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nên chưa có cơ sở để phê duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi tiểu dự án tại địa phương.

- Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (GMS): Kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt gia hạn thời gian thực hiện dự án đến ngày 30/6/2023 và thời gian đóng khoản vay đến 31/12/2023 theo đề xuất của UBND tỉnh Quảng Trị tại Tờ trình số 126/TTr-UBND ngày 20/6/2022.

Trên đây là Báo cáo kế hoạch đầu tư công năm 2023 của tỉnh Quảng Trị, Ủy ban nhân dân tỉnh xin báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực II;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Vụ THKTQD, Vụ KTĐPLT-Bộ KHĐT;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các PVP UBND tỉnh;
- Sở KH và ĐT, Sở Tài chính;
- Lưu VT, TH_U.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hưng

Biểu số I
ƯỚC TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 VÀ
NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Năm 2022			KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến KH Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Nhu cầu kế hoạch năm 2023	Ghi chú
		Kế hoạch	Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/7/2022	Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022				
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	3.874.422	761.201	3.343.231	16.933.493	161.000	3.531.590	
A	Vốn NSNN	3.874.422	761.201	3.343.231	16.933.493	161.000	3.531.590	
I	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	1.718.910	438.438	1.670.614	7.940.500	0	1.565.000	
1	Ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí	396.110		396.110	2.232.900		420.000	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	1.130.000	419.000	1.130.000	5.400.000		1.100.000	
3	Xổ số kiến thiết	40.000	8.474	40.000	200.000		45.000	
4	Bội chi ngân sách địa phương	152.800	10.964	104.504	107.600			(*)
II	Vốn ngân sách trung ương	2.155.512	322.763	1.672.617	8.992.993	161.000	1.966.590	
1	Vốn trong nước	1.463.492	222.751	1.224.044	7.069.193	161.000	1.556.674	
	Trong đó:							
-	NSTW hỗ trợ đầu tư theo ngành, lĩnh vực	1.048.000	222.751	956.000	5.568.168		1.033.836	
-	Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội			48.300		161.000	161.000	
-	Chương trình MTQG	415.492		219.744	1.501.025		361.838	
+	<i>Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	<i>150.630</i>		<i>75.000</i>	<i>735.782</i>		<i>195.051</i>	
+	<i>Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững</i>	<i>123.622</i>		<i>60.000</i>	<i>362.173</i>		<i>79.517</i>	
+	<i>Chương trình MTQG nông thôn mới</i>	<i>141.240</i>		<i>84.744</i>	<i>403.070</i>		<i>87.270</i>	
2	Vốn nước ngoài	692.020	100.012	448.573	1.923.800		409.916	
B	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật							

(*) Tính dự kiến kế hoạch 2023 tại Báo cáo tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2022, xây dựng dự toán NSNN năm 2023

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2022								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu kế hoạch 2023		Ghi chú	
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/7/2022		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Tổng số								Trong đó: NSTW
							Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22		
-	Xóa phòng học tạm, phòng học mượn, cải tạo nâng cấp các trường dân tộc nội trú, bán trú trên địa bàn tỉnh và xây dựng Trường THPT Hướng Hóa	B	Toàn tỉnh	96 PHT, 36 phòng NTB; xây mới cải tạo trường THPT	22-25	72/NQ-HĐND ngày 25/6/2021; 2848/QĐ-UBND ngày 04/10/2021; 3707/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	130.000	130.000	90.000	90.000	3.000	3.000	45.000	45.000	90.000	90.000	130.000	90.000	30.000	30.000			
4	Y tế, dân số và gia đình <i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>																						
-	Đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị y tế tuyến tỉnh - Hạng mục: Trung tâm tâm thần kinh và hệ thống thiết bị xạ trị	B	Đông Hà	Xây dựng 1.056m2 và HT thiết bị xạ trị	21-24	90/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 45/QĐ-HĐND ngày 12/5/2021 1309/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	150.000	150.000	60.000	60.000	3.522	3.522	47.000	47.000	70.000	70.000	150.000	70.000	60.000	60.000			
5	Văn hóa, thông tin <i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>																						
-	Nhà văn hóa trung tâm huyện Vĩnh Linh	B	Vĩnh Linh	1.680m2	21-24	4606/QĐ-UBND 28/12/2020; 1394/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của huyện VL	71.000	30.000	1.664	1.664	989	989	1.664	1.664	27.164	27.164	30.000	27.164	2.836	2.836			
-	Bảo tồn, tôn tạo, nâng cấp các di tích lịch sử cách mạng trọng điểm của tỉnh (hạng mục: Khu lưu niệm TBT Lê Duẩn, Bảo tàng Thành Cổ, địa đạo Vịnh Mốc)	B	TX Quảng Trị, T. Phong, V. Linh	Cải tạo, nâng cấp 02 DT, xây mới bảo tàng 2.100 m2	22-25	71/NQ-HĐND ngày 25/6/2021; 2960/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	101.250	101.250	30.000	30.000	7.643	7.643	15.000	15.000	30.000	30.000	101.250	30.000	30.000	30.000			
6	Phát thanh, truyền hình, thông tấn <i>Các dự án khởi công mới năm 2023</i>																						
-	Xây dựng trường quay chuyên nghiệp quy mô 250 chỗ và trường quay ngoài trời - Đài Phát thanh Truyền hình Quảng Trị	B	Đông Hà	250 chỗ ngồi	23-26	20/NQ-HĐND ngày 12/5/2021	45.000	45.000									33.750		10.000	10.000			
7	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản <i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>																						
-	Kè chống xói lở khẩn cấp các đoạn sông trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	B	GL, VL, TP, CL, ĐK, QT	7 km	22-25	23/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 4246/QĐ-UBND 15/12/2021	95.000	95.000	45.000	45.000	15.328	15.328	45.000	45.000	45.000	45.000	95.000	45.000	25.000	25.000			
	<i>Các dự án khởi công mới năm 2023</i>																						

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2022								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu kế hoạch 2023		Ghi chú	
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/7/2022		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Giai đoạn 2021-2025	Trong đó: đã giao KH21,22	Tổng số		Trong đó: NSTW
							Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22		
-	Trồng, bảo vệ, phát triển rừng và cơ sở hạ tầng phục vụ bảo tồn và phát triển bền vững các Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông và Bắc Hương Hóa tỉnh Quảng Trị	B	Toàn tỉnh	CS 1.425 lượt ha; NC 600ha; LGRTN 600ha; HTTGL 1000 ha; HTLS 77km; CSHT KBT thiên nhiên Đakrông và Bắc Hương Hóa	22-25	73/NQ-HĐND ngày 25/6/2021	90.000	90.000							0	0	90.000	0	30.000	30.000			
8	Khu công nghiệp và khu kinh tế																						
	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>																						
-	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị	B	Hải Lăng	23,87 ha	20-24	3006/QĐ-UBND ngày 20/10/2020; 1502/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	110.000	110.000	30.000	30.000	13.000	13.000	30.000	30.000	70.000	70.000	98.777	58.777	25.000	25.000			
-	San nền và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tại khu vực trung tâm Cửa khẩu quốc tế La Lay (giai đoạn 2)	B	Đakrông	bãi xuất 2,45ha; bãi nhập 0,67 ha; đường GT, HTTN	21-24	94/NQ-HĐND ngày 9/12/2020; 43/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 1349/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	94.000	85.000	16.180	16.180	5.000	5.000	16.180	16.180	56.624	56.424	85.000	56.424	20.000	20.000			
	<i>Các dự án khởi công mới năm 2023</i>																						
-	Khu tái định cư xã Hải An (giai đoạn 2)	B	Hải Lăng	43,6 ha	23-26	27/NQ-HĐND 12/5/2021 40/NQ-HĐND 14/7/2022	268.868	268.868									130.000		50.000	50.000			
9	Kho tàng																						
	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>																						
-	Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 1)	B	Đông Hà	Nhà làm việc, lưu trữ 4 tầng + 1 tầng hầm	21-24	92/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 38/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 1330/QĐ-UBND 28/5/2021	50.194	38.630	7.500	7.500	5.390	5.390	7.500	7.500	17.500	17.500	38.630	17.500	10.000	10.000			
10	Giao thông																						
	<i>Các dự án hoàn thành năm 2023</i>																						
-	Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông	A	ĐH, LB	Phát triển đô thị	2013-2022	2830/QĐ-UBND ngày 04/11/2016; 1073/QĐ-UBND ngày 13/5/2019, 971/QĐ-UBND ngày 27/4/2021	2.446.087	260.753	322.929	17.000	54.455	5.186	172.500	17.000	1.791.041	191.669	65.500	23.500	8.000	8.000			

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2022								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu kế hoạch 2023		Ghi chú	
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/7/2022		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Giai đoạn 2021-2025	Trong đó: đã giao KH21,22	Tổng số		Trong đó: NSTW
							Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22		
	Đường giao thông nối QL9 đến khu chế biến thủy sản Cửa Việt và các xã vùng Đông Gio Linh, huyện Gio Linh	B	Gio Linh	7550 m	20-23	1906/QĐ-UBND 12/8/2016 933/QĐ-UBND ngày 08/4/2020	80.373	58.000	10.000	10.000	2.282	2.282	10.000	10.000	28.000	28.000	48.000	28.000	20.000	20.000			
	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>																						
-	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Quảng Trị	B	TP, HL, GL, VL, CL, ĐK, HH	3 hợp phần	18-23	2293/TTg-HTQT ngày 20/12/2016; 998/QĐ-UBND ngày 15/5/2017; 1134/QĐ-UBND ngày 25/5/2018	998.152	136.075	241.468	85.000	15.000	3.000	143.000	58.000	373.524	95.000	136.075	95.000	196.140	39.000			
-	Đường Trần Nguyễn Hân (giai đoạn 2)	B	Đông Hà	1651,7m	21-24	74/NQ-HĐND ngày 25/6/2021 1167/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 của Tp Đông Hà	201.210	150.000	25.500	16.500	14.864	14.864	25.500	16.500	89.650	75.000	150.000	75.000	40.000	40.000			
-	Hạ tầng kỹ thuật phục vụ giải phóng mặt bằng để mở rộng cảng Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị	B	Gio Linh	GPMB: 11,1ha; TĐC: 5,2 ha	21-24	104/NQ-HĐND ngày 9/12/2020; 2441/QĐ-UBND ngày 10/9/2021	80.150	80.150	25.000	25.000	237	237	25.000	25.000	30.000	30.000	80.150	30.000	30.000	30.000			
-	Cơ sở hạ tầng và giao thông đô thị thị xã Quảng Trị	B	Quảng Trị	đường: 4km; kè 1,5km	22-25	113/NQ-HĐND ngày 04/6/2021 1206/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của Tx Quảng Trị	140.000	120.000	20.000	20.000	4.630	4.630	20.000	20.000	20.000	20.000	120.000	20.000	35.000	35.000			
-	Đường kết nối trung tâm huyện Vĩnh Linh đến các xã ven biển, hạ tầng Khu du lịch Cửa Tùng và bãi tắm cộng đồng Vĩnh Thái (giai đoạn 1)	B	Vĩnh Linh	đường: 4,54km; sân vui chơi: 5000m2	22-25	10/NQ-HĐND ngày 24/6/2021 5052/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của huyện V.Linh	110.000	82.500	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	82.500	15.000	25.000	25.000			
-	Hệ thống giao thông kết nối thị trấn Ái Tử với các vùng trọng điểm kinh tế của huyện Triệu Phong	B	Triệu Phong	8,6 km	22-25	20/NQ-HĐND ngày 08/6/2021 2988/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của huyện TP	140.000	120.000	22.000	20.000	19.376	19.376	22.000	20.000	22.000	20.000	120.000	20.000	30.000	30.000			
-	Đường nối thị trấn Cam Lộ với các vùng trọng điểm kinh tế huyện Cam Lộ	B	Cam Lộ	17,4 km	22-25	23/NQ-HĐND ngày 10/6/2021 2408/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của huyện C.Lộ	140.000	120.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	120.000	20.000	35.000	35.000			
-	Cầu Cầu Nhi - Hải Tân, đường Thượng Xá - Trà Lộc (DH.50) và đường Thuận Đức - Lam Thủy - Phương Lang (DH.50a)	B	Hải Lăng	Cầu dài 105m; đường dài 14,7 km	22-25	08/NQ-HĐND ngày 14/6/2021 797/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của huyện HL	140.000	110.000	20.000	20.000	19.042	19.042	20.000	20.000	20.000	20.000	110.000	20.000	35.000	35.000			

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2022								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu kế hoạch 2023		Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/7/2022		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Tổng số	Trong đó: NSTW	Giai đoạn 2021-2025	Trong đó: đã giao KH21,22	Tổng số	Trong đó: NSTW		
							Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
-	Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị	B	Vĩnh Linh	15 km đường, 01 cầu dài 110 m	21-24	11/NQ-HĐND ngày 21/3/2021 135/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 2961/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	229.156	129.156	15.000	15.000	1.007	1.007	15.000	15.000	115.000	15.000	129.156	15.000	50.000	50.000		
-	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số - (CRIEM), tỉnh Quảng Trị	B	ĐK, HH	02 Hợp phần	21-24	218/QĐ-TTg ngày 19/02/2021 4048/QĐ-UBND 7/12/2021 4301/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	935.004	178.000	27.500	27.500	12.114	12.114	20.000	20.000	27.500	27.500	178.000	27.500	60.000	60.000		
Các dự án khởi công mới năm 2023																						
-	Nâng cấp đường 73 Đông (cũ), huyện Gio Linh	B	Gio Linh	8,53 km	22-25	03/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 của huyện GL	80.000	60.000		0							60.000	0	20.000	20.000		
-	Giải phóng mặt bằng để xây dựng dự án Cảng hàng không Quảng Trị	B	Gio Linh	265,372 ha	21-24	09/NQ-HĐND 10/3/2021 60/NQ-HĐND 12/5/2021 16/NQ-HĐND 12/5/2021	233.103	233.103	480	0			480	0	480	0	233.103	0	24.000	24.000		
11 Du lịch																						
Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																						
-	Đường kết nối các điểm du lịch huyện Hướng Hóa	B	Hướng Hóa	25 km	22-25	6814/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của huyện HH	80.000	60.000	20.000	20.000	2.187	2.187	20.000	20.000	20.000	20.000	60.000	20.000	15.000	15.000		
12 Công nghệ thông tin																						
Các dự án khởi công mới năm 2023																						
-	Xây dựng trung tâm giám sát điều hành thông minh	B	Toàn tỉnh	hạ tầng kỹ thuật IOC; SOC và GSTT truyền thông	23-26	25/NQ-HĐND ngày 12/5/2021	45.000	45.000							0	0	33.750	0	10.000	10.000		
13 Quản lý nhà nước																						
Các dự án khởi công mới năm 2023																						
-	Trụ sở Tỉnh ủy Quảng Trị và các cơ quan, giai đoạn 1	B	Đông Hà	Khối nhà làm việc 7-9 tầng 17.310m ²	21-24	26/NQ-HĐND ngày 12/5/2021	200.000	200.000							0	0	200.000	0	50.000	50.000		

Biểu số III
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2022
VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

T T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định đầu tư							Năm 2022											
							Số quyết định	TMĐT						Kế hoạch vốn NSTW			Ước giải ngân kế hoạch vốn NSTW năm 2022 từ 1/1/2022 đến 31/7/2022			Ước giải ngân kế hoạch vốn NSTW năm 2022 từ 1/1/2022 đến 31/12/2022					
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
									Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số		Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài		Tổng số	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài
												Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW												
9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24		
	TỔNG SỐ						5.108.018	1.259.148	622.228	0	3.848.870	3.159.618	689.252	791.042	129.500	661.542	112.814	20.300	92.514	500.806	122.000	378.806			
A	VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC																								
1	Các hoạt động kinh tế																								
1	<i>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022</i>																								
	Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông	7411898	A	ADB	17/1/2013	31/12/2022	2.446.087	618.424	260.753		1.827.663	1.799.363	28.300	322.929	17.000	305.929	54.455	5.186	49.269	172.500	17.000	155.500			
2	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023</i>																								
	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Quảng Trị	7663996	B	ADB	21/7/2018	30/9/2023	998.152	255.679	136.075		742.473	493.493	248.980	241.468	85.000	156.468	15.000	3.000	12.000	143.000	85.000	58.000			
3	<i>Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>																								
	Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, giai đoạn 2 - tiểu dự án Quảng Trị	7740197	B	ADB	6/3/2019	30/6/2024	258.111	41.068	0		217.043	173.634	43.409	88.005	0	88.005	1.162	0	1.162	54.166	0	54.166			

T T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định đầu tư						Năm 2022										
							Số quyết định	TMĐT					Kế hoạch vốn NSTW			Ước giải ngân kế hoạch vốn NSTW năm 2022 từ 1/1/2022 đến 31/7/2022			Ước giải ngân kế hoạch vốn NSTW năm 2022 từ 1/1/2022 đến 31/12/2022				
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
									Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tỉnh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt			Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài		Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài				
												Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW								Vay lại	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài
	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số - (CRIEM), tỉnh Quảng Trị	7832214	B	ADB			218/QĐ-TTg ngày 19/02/2021; 4301/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	921.698	225.400	225.400		696.298	417.779	278.519	27.500	27.500	0	12.114	12.114	0	20.000	20.000	0
II	Tài nguyên môi trường																						
I	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023																						
	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Quảng Trị	7623879	C	WB	23/12/2016	30/6/2023	424/QĐ-UBND ngày 08/3/2017; 1641/QĐ-UBND ngày 07/7/2021; 2139/QĐ-TTg ngày 20/12/2021; 2531/QĐ-BTNMT ngày 22/12/2021; 4567/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	84.478	14.560	0		69.918	62.926	6.992	25.000	0	25.000	7.636		7.636	25.000	0	25.000
III	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản																						
I	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023																						
	Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tình chống chịu vùng ven biển	7750871	B	WB	8/3/2018	31/12/2023	1486/QĐ-UBND ngày 18/6/2019; 286/QĐ-BNN-QHQT ngày 21/01/2019; 4147/UBND-NN ngày 11/9/2020	248.443	72.982	0		175.461	140.369	35.092	56.140	0	56.140	16.389	0	16.389	56.140	0	56.140
IV	Y tế, dân số và gia đình																						
I	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																						
	Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở tỉnh Quảng Trị	7768216	B	WB	18/02/2020	31/12/2024	324/QĐ-TTg ngày 23/3/2019, 1371/QĐ-BYT ngày 16/4/2019, 710/QĐ-UBND ngày 02/4/2019	151.049	31.035	0		120.014	72.054	47.960	30.000	0	30.000	6.058	0	6.058	30.000	0	30.000

Biểu số II.b

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2022
VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2023 ĐỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2022						Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022		Dự kiến KH Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội				Nhu cầu kế hoạch 2023 cho nhiệm vụ, dự án từ nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội		Ghi chú			
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/7/2022		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số		Trong đó: đã giao kế hoạch năm 2022		Tổng số		Trong đó: Chuẩn bị đầu tư	Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư			Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư							
																			Tổng số	Trong đó: NSTW					
1	TỔNG SỐ	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24		
							161.000	161.000	0	0	0	0	48.300	48.300	0	0	161.000	0	0	0	161.000	0			
A	Y TẾ						161.000	161.000	0	0	0	0	48.300	48.300	0	0	161.000	0	0	0	161.000	0			
	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023</i>																								
1	Dự án đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Quảng Trị, 09 Trung tâm Y tế tuyến huyện và 07 Trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Quảng Trị	B	Toàn tỉnh	Xây mới, nâng cấp, cải tạo	22-23		130.244	130.244					39.073	39.073			130.244					130.244			
2	Dự án mua sắm trang thiết bị cho các cơ sở y tế tỉnh Quảng Trị	C	Toàn tỉnh	Mua sắm các thiết bị y tế	22-23		30.756	30.756					9.227	9.227			30.756					30.756			

Biểu số III
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2022
VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

T T	Danh mục dự án	KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025										Nhu cầu KH vốn NSTW năm 2023					Ghi chú
		Giai đoạn 2021-2025					Trong đó: Đã giao các năm 2021, 2022										
		Tổng số	<i>Trong đó:</i>				Tổng số	<i>Trong đó:</i>				Tổng số	<i>Trong đó:</i>				
			Vốn đối ứng nguồn NSTW					Vốn đối ứng nguồn NSTW					Vốn đối ứng nguồn NSTW				
			Tổng số	<i>Thu hồi các khoản vốn ứng trước</i>	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Tổng số	<i>Thu hồi các khoản vốn ứng trước</i>	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Tổng số	<i>Thu hồi các khoản vốn ứng trước</i>	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
	TỔNG SỐ	2.138.383	373.075	0	0	1.765.308	1.078.800	138.500	0	0	940.300	516.916	107.000	0	0	409.916	40
A	VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC																
I	Các hoạt động kinh tế																
1	<i>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022</i>																
	Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông	712.929	59.000			653.929	493.634	23.500			470.134	58.000	8.000			50.000	UBND tỉnh Quảng Trị đã có Tờ trình số 143/TTr-UBND ngày 20/7/2022 đề nghị giảm vốn nước ngoài nguồn ngân sách Trung ương kế hoạch năm 2022 của dự án xuống còn 155.500 triệu đồng. Dự án đã trình đề xuất gia hạn thời gian thực hiện đến ngày 30/6/2023 và thời gian đóng khoản vay đến ngày 31/12/2023 tại Tờ trình số 126/TTr-UBND ngày 30/6/2022
2	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023</i>																
	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Quảng Trị	569.544	136.075			433.469	313.500	95.000			218.500	196.140	39.000			157.140	UBND tỉnh Quảng Trị đã có Tờ trình số 143/TTr-UBND ngày 20/7/2022 đề nghị giảm vốn nước ngoài nguồn ngân sách Trung ương kế hoạch năm 2022 của dự án xuống còn 58.000 triệu đồng.
3	<i>Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>											0					
	Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, giai đoạn 2 - tiểu dự án Quảng Trị	173.634	0			173.634	59.254	0			59.254	73.466	0			73.466	UBND tỉnh Quảng Trị đã có Tờ trình số 143/TTr-UBND ngày 20/7/2022 đề nghị giảm vốn nước ngoài nguồn ngân sách Trung ương kế hoạch năm 2022 của dự án xuống còn 54.166 triệu đồng

T T	Danh mục dự án	KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025										Nhu cầu KH vốn NSTW năm 2023	Ghi chú		
		Giai đoạn 2021-2025					Trong đó: Đã giao các năm 2021, 2022								
		Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:							
			Vốn đối ứng nguồn NSTW					Vốn đối ứng nguồn NSTW							
			Tổng số	Trong đó:		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Tổng số	Trong đó:		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)				
Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Chuẩn bị đầu tư	Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Chuẩn bị đầu tư											
Tổng số	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Chuẩn bị đầu tư	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Chuẩn bị đầu tư	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Chuẩn bị đầu tư	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	
	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số - (CRIEM), tỉnh Quảng Trị	420.360	178.000			242.360	20.000	20.000	0	120.000	60.000			60.000	Dự án đang được Bộ TC thẩm định hạn mức vay, chưa ký Hiệp định. Dự kiến ký Hiệp định vay trong năm 2022
II	Tài nguyên môi trường														
<i>1</i>	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023</i>									0					
	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Quảng Trị	54.106	0			54.106	45.000	0	45.000	9.106	0			9.106	
III	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản														
<i>1</i>	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023</i>									0					
	Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển	139.356	0			139.356	92.209	0	92.209	46.953				46.953	
IV	Y tế, dân số và gia đình														
<i>1</i>	<i>Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>									0					
	Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở tỉnh Quảng Trị	68.454	0			68.454	55.203	0	55.203	13.251				13.251	